

Số: 09/2021/DS-PT

Ngày 20/01/2021

V/v: “Tranh chấp về thừa kế, hủy giao dịch chuyển nhượng, tặng cho QSD đất cho và hủy GCNQSD đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc : “Tranh chấp về thừa kế, hủy giao dịch chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố HP.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1953 và bà Vũ Thị Gh, sinh năm 1945; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn ĐH, xã LL, huyện TN thành phố HP.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Ph, sinh năm 1938;

Cư trú tại: Thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Bùi Văn B - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố HP; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố HP;

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh Th, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường; ông Vũ Đình Tr, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai huyện TN (Văn bản số 1674/QĐ-UBND ngày 01/4/2020); vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn Bắc, xã Phục Lễ, huyện TN, thành phố HP; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965 và ông Đình Văn L, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đình Văn L (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021); có mặt.

3.4. Bà Lê Thị V, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn 5, xã Kiên Bái, huyện TN, thành phố HP. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th và ông Đình Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các đương sự trong vụ án gồm bà Vũ Thị Ph, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị Gh, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th thống nhất trình bày:

Cụ Vũ Văn M (chết năm 1954), cụ Lê Thị V (chết năm 2004) là vợ chồng. Hai cụ có 03 người con chung gồm: Bà Vũ Thị Ph, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị Gh. Khi còn sống hai cụ đã tạo dựng được tài sản là ngôi nhà trên đất có diện tích là 510m² tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP, khi chết hai cụ không để lại di chúc. Sau khi cụ M chết, cụ V có quan hệ tình cảm với cụ Nguyễn Kim B người Hà Nội làm nghề cắt tóc dạo nhưng không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới theo phong tục, cụ B không đóng góp tài sản và không chung sống cùng cụ V. Cụ V và cụ B có 02 người con chung là bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Th. Cụ B chết năm 1984. Ngôi nhà cũ hiện không còn; diện tích 510m² đất hiện đang tranh chấp đã được UBND huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 cho bà Vũ Thị Ph. Năm 2018, bà Ph chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đình Văn L và bà Nguyễn Thị Th (em cùng mẹ khác cha) diện tích 280m² đất và tặng cho con gái là chị Lê Thị V nhà và 230m² đất. Ông L, bà Th và chị V đã được UBND huyện TN, thành phố HP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2018. Hiện bà Ph vẫn đang quản lý sử dụng nhà, đất đã tặng cho chị Lê Thị V.

- Nguyên đơn bà Vũ Thị L và bà Vũ Thị Gh trình bày: Khi lớn lên, cả 05 chị em đi lấy chồng và ở riêng, cụ V ở một mình trên diện tích đất 510m² tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN. Bà Ph ly hôn chồng rồi về ở với cụ V, nhưng bà Ph không có trách nhiệm gì và đối xử tệ bạc với mẹ. Bà L và bà Gh đã xây nhà cho cụ V ở. Cụ V chết ở nhà bà Th. Sau khi cụ V chết, ngày cúng giỗ bà Ph không cho bà L và bà Gh vào thắp hương mẹ. Do nhà không có con trai nên nguyện vọng của hai bà muốn có một phần diện tích đất để làm nhà thờ các cụ nhưng bà Ph không đồng ý. Từ năm 2014 đến nay bà L và bà Gh đã nhiều lần có đơn đề nghị UBND xã LL giải quyết về tài sản thừa kế của cụ M và cụ V, cán bộ xã LL đã nhận đơn nhưng không giải quyết được. Ông Đinh Văn L biết việc các chị em tranh chấp đất thừa kế trong gia đình nhưng vẫn nhận chuyển nhượng. Năm 2018 bà L, bà Gh mới biết UBND huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ph và việc bà Ph đã chuyển nhượng đất cho ông L, bà Th và tặng cho chị V.

Ngày 24/12/2018, nguyên đơn bà L, bà Gh khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố HP và yêu cầu: Chia di sản thừa kế là diện tích 510m² đất tại thửa đất số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP theo quy định của pháp luật; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện TN cấp cho bà Vũ Thị Ph. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn còn có thêm yêu cầu: Đề nghị hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Vũ Thị Ph và chị Lê Thị V; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Vũ Thị Ph với ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị Th; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của UBND huyện TN, thành phố HP cấp cho chị Lê Thị V, ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị Th.

- Bị đơn bà Vũ Thị Ph trình bày:

Bà Ph về ở diện tích đất của cụ V từ khi bà 25 tuổi cho đến nay. Vì cụ V không có con trai nên cụ V đã giao nhà đất cho bà và bà được ông Chủ tịch UBND xã LL là ông Vinh và ông Mão là cán bộ địa chính thực hiện việc cấp đất (hiện hai ông đã chết), bà Ph không còn giữ tài liệu chứng cứ về việc này. Nay bà đã được UBND huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên diện tích đất trên đã thuộc quyền sử dụng của bà, không phải là di sản thừa kế. Nên bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Đối với việc chuyển nhượng cho ông L và bà Th là em gái và em rể diện tích 280m² với số tiền là 560.000.000 đồng. Ông L, bà Th đã trả tiền cho bà đầy đủ bằng sổ tiết kiệm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Th: Bà M từ chối nhận di sản và nhường lại phần di sản được hưởng cho bà Ph. Bà Th đề nghị Tòa án chia phần bà được hưởng thừa kế ở diện tích đất bà Ph đã bán cho vợ chồng bà thì bà Th đồng ý phần bà được hưởng di sản sẽ cho bà Ph.

- Chị Lê Thị V trình bày: Chị là con của bà Vũ Thị Ph và ông Lê Khắc Vững. Khi chị được 01 tuổi bố mẹ ly hôn, bà Ph đã đưa chị về ở với bà ngoại là cụ V, chị ở đây đến năm 18 tuổi thì lấy chồng. Khi cụ V chết có để lại cho bà Ph 01 gian nhà nhỏ khoảng 30m². Năm 2009, chị V đã bỏ tiền ra xây lại nhà cho mẹ (ngôi nhà cấp 4 lợp ngói, không nhớ xây hết bao nhiêu tiền). Khoảng tháng 9/2018 bà Ph đã tặng cho chị nhà, đất diện tích là 230m²; chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quan điểm của chị V là đồng ý trả lại diện tích 230m² đất trên đó có nhà cho bà Ph.

- Ông Đinh Văn L trình bày: Khoảng tháng 9/2018 ông và vợ là bà Th đã nhận chuyển nhượng diện tích 280m² đất trên có 01 bể nước, 01 chái nhà để đồ và một số cây trồng. Giá chuyển nhượng là 2.000.000 đồng/m² đất, ông đã trả cho bà Ph số tiền là 560 triệu đồng nhưng không trả tiền mặt mà trả bằng sổ tiết kiệm cho bà Ph, hai bên tự giao cho nhau không có giấy biên nhận. Hiện nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và bà Th. Khi nhận đất ông L đã xây tường bao theo chiều dài hết đất. Ông L khai ông không biết việc các bà L, bà Gh tranh chấp về đất thừa kế, khi UBND xã LL mời ông L ra xã để hòa giải giữa các chị em bà L ông có tham gia với tư cách là trưởng thôn, ông không nhớ ngày tháng năm nào chỉ nhớ 02 lần vào năm 2018. Ông L đề nghị nếu phải chia thừa kế thì chia diện tích đất của bà Ph đã tặng cho chị V, còn diện tích đất bà Ph đã chuyển nhượng cho ông và bà Th thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông.

- Đại diện UBND huyện TN có quan điểm: Theo sổ mục kê, bản đồ giải thửa năm 1985 thể hiện thửa số 200, tờ bản đồ số 01, diện tích 493m² là đất thổ cư “T” đăng ký tên cụ Lê Thị V. Ngày 21/11/2005, UBND huyện TN đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 653093 cho hộ bà Vũ Thị Ph tại thửa số 200, tờ bản đồ số 01, diện tích là 510m² tại thôn ĐH, xã LL. Đề nghị Tòa xác định hộ gia đình sử dụng đất lúc đó là những ai và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DSST ngày 23/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố HP quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 117, Điều 123, Điều 131, Điều 609, 613,

Điều 623, Điều 650, Điều 651, Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, chi, miễn, giảm án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 24/9/2018 giữa bà Vũ Thị Ph với ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị Th và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 24/9/2009 giữa bà Vũ Thị Ph với chị Lê Thị V vô hiệu.

- Bà Vũ Thị Ph phải trả cho ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Th số tiền là 563.494.500đ (*năm trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng*). Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Vũ Thị Ph quyền sử dụng diện tích đất và tài sản gắn liền với đất diện tích là 280m² tại thửa số 200B tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP;

- Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Th phải phá dỡ tường bao xây bằng gạch ba banh dài 20,2m, cao 1,3m tại thửa số 200B tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP.

- Công nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị V trả lại cho bà Vũ Thị Ph quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 230m² đất tại thửa số 200A tờ bản đồ số 01 địa chỉ tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 855641 ngày 12/10/2018 của UBND huyện TN thành phố HP cấp cho chị Lê Thị V diện tích 230m² thửa số 200A tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 855640 ngày 12/10/2018 của UBND huyện TN thành phố HP cấp cho ông Đinh Văn L và vợ là bà Nguyễn Thị Th diện tích 280m² tại thửa số 200B tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP.

3. Xác định diện tích 510m² đất tại thửa đất số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP là di sản của cụ Vũ Văn M, cụ Lê Thị V chia theo quy định của pháp luật:

- Giao cho bà Vũ Thị Ph được quyền quản lý sử dụng diện tích 276,25m² đất trên có căn nhà 02 gian đã cũ diện tích 33,5m² và sân tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP có mốc giới từ 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-3 (*vị trí từ kích thước mốc giới có sơ đồ kèm theo*). Bà Vũ Thị Ph

phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 79.687.500đ (*bảy mươi chín triệu sáu trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng*) giá trị 53,125m² đất.

- Giao cho bà Vũ Thị L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 116,875m² đất, giáp phần đất của bà Vũ Thị Ph tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP. Trên đất có bể nước diện tích 3,4m² và 01 chái đề đồ diện tích 10m², có mốc giới 3-12-14-15-3 (*vị trí kích thước mốc giới theo sơ đồ kèm theo*). Bà Vũ Thị L phải trả cho bà Vũ Thị Ph số tiền 3.600.000đ (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Giao cho bà Vũ Thị Gh được quyền quản lý, sử dụng diện tích 116,875m² đất, giáp phần đất của bà Vũ Thị L tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP, mốc giới 1-2-15-14-13-1 (*vị trí kích thước mốc giới có sơ đồ kèm theo*).

- Bà Vũ Thị L và bà Vũ Thị Ph được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất được giao và liên đới trả cho bà Vũ Thị Ph 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

- Tạm giao cho bà Vũ Thị Ph sử dụng 99m² đất ao, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc giao sử dụng, bà Ph phải chấp hành theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 và 05/10/2019, bị đơn là bà Vũ Thị Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Văn L có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Vũ Thị Mừng và chị Lê Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Nguyên đơn bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị Gh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Vũ Thị Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới; không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph có quan điểm:

+ Về tố tụng có nhiều vi phạm như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ph đã bị thu hồi nên đối tượng khởi kiện không còn; tại phiên tòa phía nguyên đơn mới bổ sung yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng và tặng cho, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị V và vợ chồng ông Long nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận là vượt quá yêu cầu khởi

kiện ban đầu; không thụ lý yêu cầu độc lập của ông L về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng; việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không cần thiết và không đưa Văn phòng đăng ký đất đai vào tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm chỉ chia công sức cho bà Ph tương ứng với một suất thừa kế là không đúng vì bà Ph có công sức rất lớn với cụ V, là người đóng thuế sử dụng đất

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

+ Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi nêu nội dung yêu cầu của các đương sự trong vụ án, trên cơ sở phân tích, đánh giá các tài liệu, lời khai được coi là chứng cứ của vụ án, các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện, phạm vi khởi kiện và thừa kế... đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định: Bản án sơ thẩm đã giải quyết vụ án chính xác, bảo đảm quyền lợi của các đương sự. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Văn L về việc hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bản án sơ thẩm đã xác định đúng các quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án cần phải giải quyết, bao gồm: Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy các giao dịch chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác định đúng thẩm quyền; xác định đúng và đủ những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận các sự kiện sau:

[2.1] Cụ Vũ Văn M (chết năm 1954), cụ Lê Thị V (chết năm 2004). Hai cụ có 3 người con gồm: Bà Vũ Thị Ph, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị Gh. Khi còn sống hai cụ đã tạo dựng tài sản nhà đất diện tích là 510m² tại thôn ĐH, xã LL,

huyện TN, thành phố HP. Hai cụ chết không để lại di chúc. Sau khi cụ M chết, cụ V có quan hệ tình cảm với cụ Nguyễn Kim B ở Hà Nội. Cụ V và cụ B không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới, cụ B không đóng góp tài sản và không chung sống cùng cụ V. Cụ V và cụ B có 2 người con chung là bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Th. Cụ B chết năm 1984.

[2.2] Tài sản đang tranh chấp là quyền sử dụng diện tích là 510m² tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP đã được UBND huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị Ph năm 2005 (Thực tế là 609m², phần vượt quá 99m² đất do bà Ph tự vượt lập ao, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Năm 2018, bà Ph chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Th diện tích 280m² đất và tặng cho con gái là chị Lê Thị V ngôi nhà và đất có diện tích 230m². Ông L, bà Th và chị V đã được UBND huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2018. Hiện bà Ph vẫn đang quản lý sử dụng nhà, đất đã tặng cho chị V.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự trong vụ án:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Vũ Văn M (chết năm 1954) và cụ Lê Thị V (chết năm 2004).

- Tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NĐ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: *“Từ ngày 01/01/2017, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và luật khác có liên quan về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.”*

- Theo Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện về thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế.

Trong vụ án này, cụ M chết năm 1954 thuộc trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990. Do đó, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Ngày 24/12/2018, nguyên đơn (bà L, bà Gh) khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố HP. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn nằm trong thời hiệu khởi kiện là đúng pháp luật.

[3.2] Về phạm vi khởi kiện: Sau khi cụ Lê Thị V chết (năm 2004), bà Vũ Thị Ph có đơn đề nghị và năm 2005 đã được UBND huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 653093 cho hộ bà Vũ Thị Ph tại thửa số 200, tờ bản đồ số 01, diện tích là 510m² tại thôn ĐH, xã LL. Trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giữa bà Vũ Thị Ph và vợ chồng bà Nguyễn Thị Th (em gái), ông Đinh Văn

L, và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Vũ Thị Ph với chị Lê Thị V (con gái), năm 2008 UBND huyện TN đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ph vào năm 2005, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 855641 ngày 12/10/2018 công nhận quyền sử dụng 230m² đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho chị Lê Thị V; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 855640 ngày 12/10/2018 công nhận quyền sử dụng 280m² đất cho ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị Th. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L, bà Gh đã không đồng tình với sự kiện bà Ph chuyển nhượng, tặng cho diện tích đất là di sản thừa kế cho vợ chồng ông L, bà Th và chị V và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập 02 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện TN cấp cho vợ chồng ông L, bà Th và chị V trước khi đưa vụ án ra xét xử (BL 53, 54, 55, 56, 157, 158), đã đưa vợ chồng ông L bà Th cùng chị V và UBND huyện TN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông L, bà Th và chị V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà tòa án có nhiệm vụ giải quyết; đồng thời đã xem xét các giao dịch dân sự liên quan đến diện tích 510m² đất là di sản thừa kế của hai cụ Vũ Văn M và cụ Lê Thị V là cần thiết và đúng pháp luật, nhằm giải quyết vụ án một cách triệt để, toàn diện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và đưa đầy đủ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp.

[3.3] Bà Ph cho rằng bà đã được Hợp tác xã đại diện là ông Vinh chủ tịch UBND xã và ông Mão địa chính xã cấp cho bà diện tích đất này nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, ông Vinh và ông Mão đã chết, chỉ có lời khai của bà Ph là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là chính xác. Tại Biên bản làm việc ngày 05/3/2019 giữa Tòa án nhân dân thành phố HP và ông Vũ Đình Trường - Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TN (BL 48) thể hiện: Theo sổ mục kê, bản đồ giải thửa lập năm 1985 lưu tại UBND xã LL thì thửa số 200, tờ bản đồ 01, diện tích 493m² là đất thổ cư “T” đứng tên cụ Lê Thị V; không thể hiện việc chuyển nhượng, tặng cho giữa cụ V với bà Ph. Sau khi cụ V chết (2004), năm 2005 bà

Ph đã tự đăng ký và được UBND huyện TN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 653093 cho hộ bà Vũ Thị Ph tại thửa số 200, tờ bản đồ số 01, diện tích là 510m². Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Ph được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau đó tự ý giao dịch chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đinh Văn L, bà Nguyễn Thị Th và tặng cho con gái Lê Thị V như đã nêu đề những người này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác của cụ M, cụ V trong khi thửa đất đang có tranh chấp giữa các đồng thừa kế là trái pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm đã xác định các giao dịch về quyền sử dụng đất do bà Ph xác lập vô hiệu, giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu giữa bà Vũ Thị Ph với vợ chồng ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Th: Buộc bà Vũ Thị Ph phải trả cho ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Th số tiền là 563.494.500đ (*Năm trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng*). Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị Th phải phá dỡ tường bao xây bằng gạch ba banh dài 20,2m, cao 1,3m, trả cho bà Vũ Thị Ph quyền sử dụng diện tích đất và tài sản gắn liền với đất diện tích là 280m² tại thửa số 200B tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN thành phố HP. Công nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị V trả lại cho bà Vũ Thị Ph quyền sử dụng 230m² đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 200A tờ bản đồ số 01 địa chỉ tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 855641 ngày 12/10/2018 của UBND huyện TN thành phố HP cấp cho chị Lê Thị V và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 855640 ngày 12/10/2018 của UBND huyện TN, thành phố HP cấp cho ông Đinh Văn L và vợ là bà Nguyễn Thị Th là chính xác, đúng pháp luật.

[3.4] Xác định di sản thừa kế và những người được hưởng thừa kế: Diện tích 510m² đất tại thửa số 200, tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP được vợ chồng cụ Vũ Văn M và cụ Lê Thị V tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản hợp pháp của hai cụ. Tại thời điểm mở thừa kế của cụ M (1954), những người thừa kế của cụ M được xác định gồm 04 người: Cụ V, bà L, bà Gh và bà Ph. Sau khi cụ M chết, cụ V đã có quan hệ tình cảm với cụ Nguyễn Kim B ở Hà Nội và có thêm 02 người con chung là bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Th. Cụ V và cụ B không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, cụ B không chung sống cùng cụ V, không đóng góp công sức, tài sản với cụ V và đã chết năm 1984. Do đó, bản án sơ thẩm xác định cụ B không phải là người thừa kế của cụ V, xác định tại thời điểm mở thừa

kế của cụ V năm 2004 những người thừa kế của cụ V gồm 05 người: Bà L, bà Gh, bà Ph, bà M và bà Th là chính xác, đúng pháp luật.

[3.5] Về việc chia di sản thừa kế: Trên cơ sở xác định chính xác di sản thừa kế, những người được hưởng thừa kế, đánh giá công sức của bà Ph trong việc bảo quản di sản và chăm sóc cụ V nên đã trích công sức cho bà Ph phần công sức tương ứng với giá trị một suất thừa kế của cụ V; xác định phần diện tích 99m² đất ao ngoài diện tích 510m² di sản thừa kế là do bà Ph tự vượt lập; căn cứ nhu cầu sử dụng của các đương sự, trên cơ sở kích thước và hình thể thực tế của thửa đất là di sản thừa kế, bản án sơ thẩm đã quyết định phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế, theo đó:

- Giao cho bà Vũ Thị Ph được quyền quản lý sử dụng diện tích 276,25m² đất trên có căn nhà 02 gian đã cũ diện tích 33,5m² và sân tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP có mốc giới từ 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-3 (*vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo*). Bà Vũ Thị Ph phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 79.687.500đ (*bảy mươi chín triệu sáu trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng*) giá trị 53,125m² đất.

- Giao cho bà Vũ Thị L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 116,875m² đất, giáp phần đất của bà Vũ Thị Ph tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP. Trên đất có bể nước diện tích 3,4m² và 01 chái đề đồ diện tích 10m², có mốc giới 3-12-14-15-3 (*vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ kèm theo*). Bà Vũ Thị L phải trả cho bà Vũ Thị Ph số tiền 3.600.000đ (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Giao cho bà Vũ Thị Gh được quyền quản lý, sử dụng diện tích 116,875m² đất, giáp phần đất của bà Vũ Thị L tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 tại thôn ĐH, xã LL, huyện TN, thành phố HP, mốc giới 1-2-15-14-13-1 (*vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo*).

- Bà Vũ Thị L và bà Vũ Thị Ph được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất được giao và liên đới trả cho bà Vũ Thị Ph 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

- Tạm giao cho bà Vũ Thị Ph sử dụng 99m² loại đất ao, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc giao sử dụng, bà Ph phải chấp hành theo quy định của pháp luật.

Là chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

[4] Với những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Ph, bà M và vợ chồng bà Th, ông L về việc hủy bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại

Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Th, ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà M và bà Ph là người cao tuổi, bà Ph là hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho họ theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Vũ Thị Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Văn L về việc đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DSST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố HP.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Văn L mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ với số tiền Ông/Bà đã nộp tại Biên lai thu số 0008333 và 0008334 cùng ngày 03/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố HP. Bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Văn L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP HP;
- Cục THADS TP HP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh